

UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 TUẦN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI HOẠT ĐỘNG NĂM 2026
(số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo năm 2025)

STT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn ngân sách nhà nước	Nguồn Học Phí	Nguồn các khoản thu theo thỏa thuận			Nguồn vận động tài trợ (tồn năm học 2023-2024)	Thu hộ chi hộ (tiếng anh)
					Dịch vụ ăn bán trú	Dịch vụ trông trưa	Dịch vụ dọn vệ sinh		
A	Các khoản phân thu	11.648.740.313	11.414.980.313	-	-	-	61.560.000	-	172.200.000
	- Ngân sách nhà nước	11.414.980.313	11.414.980.313						
	- Thu từ người học	-		-					
	- Thu theo thỏa thuận	61.560.000			-	-	61.560.000		
	- Thu vận động tài trợ	-							
	- Thu hộ, chi hộ	172.200.000							172.200.000
	- Thu khác								
B	Các khoản phân chi	11.414.980.313	11.414.980.313	-					
I	Các khoản chi cho con người	10.402.486.538	10.402.486.538	-	-	-	-	-	-
1	Tiền lương, tiền công	4.781.510.295	4.781.510.295						
2	Phụ cấp lương	3.869.802.986	3.869.802.986						
4	Các khoản đóng góp	1.315.513.457	1.315.513.457						
5	Tiền thưởng	376.000.000	376.000.000						
6	Tàu xe phép	24.279.000	24.279.000						
7	Chi khác	35.380.800	35.380.800						
II	Chi hoạt động của trường	724.145.775	724.145.775	-					
1	Chi quản lý hành chính	239.897.926	239.897.926	-					
	- Thanh toán dịch vụ công cộng	40.779.949	40.779.949						
	- Vật tư văn phòng	71.309.034	71.309.034						

5/11

Kế toán

Đang Thị Hoa

THU TRUONG DON VI

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 06 năm 2026

[illegible]

UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TH SỐ 1 TUẦN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nguồn thu	Số học sinh	Định mức/HS	Số tháng	Thu năm học 2025-2026	Dự kiến thu Năm học 2026-2027	Dự kiến thu Năm học 2027-2028	Dự kiến thu Năm học 2028-2029	Văn bản pháp lý
A	B	I	2	3		$4=1 \times 2 \times 3$	$5=2 \times 3 \times 4$	$6=1 \times 2 \times 3$	
I	Các khoản thu theo thỏa thuận					-	-	-	- Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên
II	Dịch vụ dọn vệ sinh	684	10.000	9	61.560.000	61.560.000	61.560.000	61.560.000	
III	Các khoản thu hộ					-	-	-	
	- Bảo hiểm y tế học sinh	61	31.590	15	28.904.850	28.904.850	28.904.850	28.904.850	Công văn số:416/LN-SGDDT-BHXXH ngày 27/08/20254 v/v triển khai thực hiện công tác BHYT cho học sinh, sinh viên năm học 2025 -2026
		12	31.590	14	5.307.120	5.307.120	5.307.120	5.307.120	
		12	31.590	13	4.928.040	4.928.040	4.928.040	4.928.040	
		401	31.590	12	152.011.080	152.011.080	152.011.080	152.011.080	
1	Bảo hiểm thân thể	513	100.000	1	3.255.000	51.300.000	51.300.000	51.300.000	Công văn số 355/BVĐB-2024 ngày 01/08/2025 V/v triển khai bảo hiểm cho cán bộ giáo viên và học sinh năm học 2025-2026.
2	Tiếng Anh	248	200.000	3,5	172.200.000				Công văn số: 4555/BGDDT -GDPT về việc tổ chức dạy tiếng anh tự chọn cho học sinh lớp 1, lớp 2 và trẻ em mẫu giáo làm quen tiếng Anh năm học 2025-2026

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 06 năm 2026

Kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh



Thủ trưởng đơn vị

Đặng Thị Hoà

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
NĂM HỌC 2025-2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số HS toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Tháng	Thành tiền
A	B	1	2	3	4	5=2x3x4
	TỔNG CỘNG	684				
1	Hỗ trợ chi phí học tập			150.000	9	1.350.000
	Học Kỳ I (4 tháng cuối năm 2025)		1	150.000	4	600.000
	Học Kỳ II (5 tháng đầu năm 2026)		1	150.000	5	750.000
2	Chế độ HS bán trú					
	Học Kỳ II (5 tháng đầu năm 2025) Tiền ăn		27	936.000	5	120.744.000
	Học Kỳ I (4 tháng cuối năm 2025) Tiền ăn		42	936.000	4	166.608.000
	Học Kỳ I (4 tháng cuối năm 2025) Tiền nhà ở		1	360.000	4	1.440.000
	Học Kỳ II (5 tháng đầu năm 2026) Tiền ăn		43	936.000	5	197.496.000
	Học Kỳ II (5 tháng đầu năm 2026) Tiền nhà ở		1	360.000	5	1.800.000

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 06 năm 2026

Kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Thủ trưởng đơn vị



Đặng Thị Hoà